

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09/10/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-DS ngày 24/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn N, xã M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1996;

Đăng ký HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi làm việc: Công ty M.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn H, sinh năm 1996 vào ngày 27 tháng 3 năm 2019 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND Xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh Đỗ Văn H chung sống. Vợ chồng ăn chung và ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh H được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị

và anh H chưa có nhiều thời gian tìm hiểu nhau nên khi về chung sống tính cách của vợ chồng không hợp nhau, không hòa hợp trong quan hệ sinh lý vợ chồng; bên cạnh đó anh H luôn gây áp lực trong cuộc sống khiến chị luôn bị căng thẳng và trầm cảm. Chị có thời gian điều trị tại Bệnh viện lão khoa Trung ương từ ngày 11/7/2019 đến ngày 21/7/2019. Sau khi về nhà, anh H tiếp tục gây căng thẳng trong cuộc sống. Xét thấy cuộc sống quá căng thẳng, mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về gia đình bố mẹ đẻ từ tháng 7/2019 và sống ly thân với anh H từ cuối tháng 7/2020 đến nay. Chị đã chủ động cắt đứt mọi liên lạc với anh Đỗ Văn H. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đỗ Văn H.

- Quan hệ về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn- anh Đỗ Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh cũng xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị D khai. Quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có bất đồng trong cuộc sống về công việc thường ngày. Nguyên nhân là do chị D bị bệnh trầm cảm, thường có những suy nghĩ tiêu cực. Đến ngày 10/7/2019, do bệnh nặng nên anh và gia đình anh đã đưa chị D đi khám và điều trị tại Bệnh viện lão khoa Trung ương khoảng 10 ngày. Sau khi ra viện, anh và chị D xin phép bố mẹ anh để sang gia đình chị D tại Thôn N, xã M, thị xã Kinh Môn chung sống từ cuối tháng 7/2019 đến nay. Quá trình chung sống tại đây anh và chị D cũng không có mâu thuẫn gì, những lúc chị D phát bệnh thì có đánh và cào cấu anh; anh cũng thừa nhận vợ chồng chưa quan hệ tình dục với nhau. Nguyên nhân là do mỗi khi anh gần gũi thì chị D lại đẩy anh ra, vì muốn chị D được thoải mái, không bị áp lực về tư tưởng nên anh cũng không ép. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẫn nên không muốn ly hôn. Bên cạnh đó chị D đang bị trầm cảm nặng nên đưa ra quyết định ly hôn không đúng đắn, anh muốn được quan tâm, chăm sóc cho chị D khỏi bệnh.

- Quan hệ về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai người làm chứng - bà Dương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà có quan hệ là mẹ đẻ của chị Trương Thị D, mẹ vợ anh Đỗ Văn H. Chị D và anh H quen nhau vào khoảng tháng 12/2018 thông qua mai mối giữa hai bên gia đình. Sau khi hai anh chị yêu thương nhau thì hai bên gia đình quyết định tổ chức lễ cưới cho anh chị vào tháng 3/2019. Sau khi cưới hai anh chị về chung sống bên gia đình nhà anh H, đến tháng 7/2019 thì anh chị về sinh sống và làm việc tại Công ty M của vợ chồng bà do bà làm Giám đốc đến nay. Trong cuộc sống thường ngày mặc dù anh H rất thương yêu chị D

nhưng chị D không mở lòng chấp nhận tình cảm từ anh H, mỗi khi nói chuyện nhắc đến anh H thì chị D có thái độ bức tức, không vui. Mặc dù xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh H không có hạnh phúc nhưng với tư cách là phụ huynh bà mong muốn anh chị về đoàn tụ.

- Về tình hình bệnh của chị D: Khi chị D học năm thứ nhất đại học do áp lực học hành nên bị stress nhẹ. Sau khi cân bằng lại cuộc sống chị D đã khỏe mạnh, bình thường. Từ đó đến khi kết hôn bà không thấy chị D có biểu hiện bị stress nữa. Đến tháng 7/2019 thì chị D bị trầm cảm và phải nhập viện để điều trị. Sau khi ra viện chị D về gia đình bà chung sống thì bà thấy chị D vui vẻ, hòa đồng với mọi người, hoàn thành tốt các công việc tại công ty, không có biểu hiện trầm cảm.

Theo lời khai người làm chứng - chị Lê Thị P trình bày: Chị làm Kế toán tại Công ty M. Cuối năm 2019, chị D, anh H vào làm cùng công ty với chị. Chị D làm Thủ quỹ cùng Văn phòng chị, còn anh H làm ở bộ phận khác tại Công ty. Thời gian đầu đi làm chị thấy chị D thường xuyên buồn phiền. Qua tâm sự chị được biết nguyên nhân là do chuyện vợ chồng của chị D không được hạnh phúc. Sau khi chuyển về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ tại Minh Hòa, Kinh Môn và đi làm tại Công ty chị thấy chị D đã dần vui vẻ trở lại. Thời gian gần đây thì sống hòa đồng với anh chị em đồng nghiệp trong cơ quan, hoàn thành tốt công việc của mình, không có biểu hiện buồn phiền, lo âu hoặc sống khép kín. Nhưng trong câu chuyện thường ngày mỗi khi nhắc đến anh H thì chị thấy chị D lại tỏ thái độ không vui. Chị D có tâm sự với chị là đang làm thủ tục ly hôn với anh H tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ do gia đình anh Đỗ Văn H cung cấp cho Tòa án trước khi khai mạc phiên tòa.

Nguyên đơn - chị Trương Thị D xác định chị và anh Hoàng Ngọc Huy P trước đây có yêu thương nhau nhưng đã chia tay. Khi kết hôn với anh Đỗ Văn H do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị có nhắn tin tâm sự qua ứng dụng Zalo với anh P bằng máy tính của mình. Anh Đỗ Văn H đã tự ý mở máy tính của chị và chụp lại toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện. Tuy nhiên, mọi thứ chỉ dừng lại ở việc nhắn tin, chị và anh P chưa khi nào gặp nhau và cũng không có quan hệ ngoài hôn nhân như nội dung đơn của gia đình anh H đã nộp cho Tòa án. Chị xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc do chị không có tình cảm với anh Đỗ Văn H nên đã làm thủ tục ly hôn. Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn anh Đỗ Văn H vắng mặt.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị D. Xử cho chị Trương Thị D ly hôn anh Đỗ Văn H. Chị Trương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị D khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Đỗ Văn H sinh sống và làm việc tại Công ty Cổ phần TM và DV Minh Dung 666; địa chỉ: Thôn N, xã M, thị xã Kinh Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi khai mạc phiên tòa, bố đẻ anh Đỗ Văn H là ông Đỗ Văn T đã giao nộp: 01 đơn đề nghị với nội dung đề nghị Tòa án tạm dừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ để chứng minh phía nguyên đơn có quan hệ ngoài hôn nhân và bản in nội dung tin nhắn. Tuy nhiên, trong đơn đề nghị ghi người làm đơn là “Đỗ Văn H” nhưng không có chữ ký của anh H, anh H cũng không ủy quyền cho ông Tập giao nộp các tài liệu, chứng cứ nêu trên nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định đơn không hợp lệ. Bên cạnh đó, nội dung đề nghị trong đơn không thuộc trường hợp Tòa án phải hoãn phiên tòa. Anh Đỗ Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Mặc dù việc giao nộp tài liệu, chứng cứ mới từ phía bị đơn chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng HĐXX vẫn tiến hành xem xét để đảm bảo tính toàn diện của vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị D và anh Đỗ Văn H quen và yêu nhau vào cuối năm 2018, kết hôn vào ngày 27/3/2019 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND Xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại gia đình anh Đỗ Văn H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D, anh H chưa có nhiều thời gian tìm hiểu nhau nên khi về chung sống tính cách không hợp nhau, không hòa hợp trong quan hệ sinh lý vợ chồng (*chị D, anh H chưa quan hệ tình dục*). Bên cạnh đó, do chưa chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho cuộc sống hôn nhân khiến chị D luôn bị áp lực, căng thẳng dẫn đến bị trầm cảm phải điều trị tại Bệnh viện lão khoa Trung ương. Mặc dù anh H vẫn còn thương yêu và muốn chăm sóc cho chị D nhưng chị D chủ động ly thân, cắt đứt mọi liên lạc với anh H.

Tại lời khai, người làm chứng - bà Dương Thị T và chị Lê Thị P đều xác định cuộc sống hôn nhân của chị D, anh H không có hạnh phúc.

Tại biên bản xác minh ngày 09/9/2020, chính quyền địa phương xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn cung cấp: Chị Trương Thị D và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau ngày cưới anh chị về gia đình anh H chung sống được một thời gian thì chuyển về gia đình nhà chị D chung sống. Anh chị làm công nhân tại Công ty M; địa chỉ: Thôn N, xã M, thị xã Kinh Môn từ cuối năm 2019 đến nay. Cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn là do anh chị còn trẻ, tính cách không hợp nhau. Hiện anh chị đang sống ly thân.

Tại lời khai của mình, anh Đỗ Văn H xác định chị Trương Thị D hiện đang bị trầm cảm nặng dẫn đến việc đưa ra quyết định ly hôn không sáng suốt. Tuy nhiên, anh Đỗ Văn H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh; Theo nội dung trình bày của người làm chứng (bà T, chị P) thì chị Trương Thị D hoàn toàn khỏe mạnh, vui vẻ, hòa đồng với đồng nghiệp, hoàn thành tốt công việc tại công ty, không có biểu hiện buồn phiền, lo âu. Ngoài ra, tại kết quả kiểm tra tổng quát của Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội thì chỉ số liên quan đến thần kinh của chị D hoàn toàn bình thường.

Xem xét về tài liệu phía gia đình anh Đỗ Văn H cung cấp:

Phía bị đơn cho rằng do có quan hệ ngoài hôn nhân với anh Phương dẫn đến việc chị D làm đơn ly hôn; chị Trương Thị D thừa nhận chị có tâm sự với anh Phương khi vợ chồng mâu thuẫn nhưng không có quan hệ ngoài hôn nhân, việc chị làm đơn ly hôn là do vợ chồng không có hạnh phúc, chị không có tình cảm với anh H. Sau khi xem xét ý kiến của đương sự, nội dung tin nhắn giữa chị D và anh P, HĐXX thấy rằng: Nội dung cuộc nói chuyện thể hiện giữa chị D và anh P có tình cảm yêu thương nhau nhưng không đủ căn cứ để xác định chị D và anh Phương có quan hệ ngoài hôn nhân. Bên cạnh đó, nội dung cuộc nói chuyện còn thể hiện chị D không có tình cảm yêu thương nên mới làm thủ tục ly hôn anh H. Điều này cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng - bà Dương Thị T xác định chị D không mở lòng chấp nhận tình cảm của anh H, phù hợp với lời khai của anh H xác định mỗi khi anh gần gũi thì bị chị D đẩy ra. Do đó, HĐXX xác định việc chị D làm đơn ly hôn anh H là do vợ chồng không có hạnh phúc.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị D, anh H không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn anh H.

[3]. Quan hệ về con chung, tài sản chung của vợ chồng: Chị Trương Thị D và anh Đỗ Văn H đều xác định vợ chồng không có con và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị D. Xử cho chị Trương Thị D ly hôn anh Đỗ Văn H.

2. Về án phí: Chị Trương Thị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn theo biên lai số AA/2017/0007872 ngày 29/7/2020. Chị Trương Thị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND Xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huân